

2016年度 第94回 関西学生サッカーリーグ(後期) 2部 B リーグ 第7節

日時

2016年10月30日(日) 12 : 00

試合時間

90分

会場名

神戸学院大学スポーツランド G

天候

晴れ

ピッチ状態

人工芝 全面良芝

表面

乾燥

風

微風

観衆

約 50 人

試合経過報告者

松山 郁仁

医事

記録員

柏谷 勇哉

主審

白比 健人

副審1

瀬川 拓磨

副審2

金野 哲也

第4の審判

佐々木 祐真

I / J / K / L / M / N / O / P / Q / R / S / T / U / V / W / X / Y / Z / AA / AB / AC / AD / AE / AF / AG / AH / AI / AJ / AK / AL / AM / AN / AO / AP / AQ / AR / AS / AT / AU / AV / AW / AX / AY / AZ / BA / BB / BC / BD / BE / BF / BG / BH / BI / BJ / BK / BL / BM / BN / BO / BP / BQ / BR / BS / BT / BU / BV / BW / BX / BY / BZ / CA / CB / CC / CD / CE / CF / CG / CH / CI / CJ / CK / CL / CM / CN / CO / CP / CQ / CR / CS / CT / CU / CV / CW / CX / CY / CZ / DA / DB / DC / DD / DE / DF / DG / DH / DI / DJ / DK / DL / DM / DN / DO / DP / DQ / DR / DS / DT / DU / DV / DW / DX / DY / DZ / EA / EB / EC / ED / EE / EF / EG / EH / EI / EJ / EK / EL / EM / EN / EO / EP / EQ / ER / ES / ET / EU / EV / EW / EX / EY / EZ / FA / FB / FC / FD / FE / FF / FG / FH / FI / FJ / FK / FL / FM / FN / FO / FP / FQ / FR / FS / FT / FU / FV / FW / FX / FY / FZ / GA / GB / GC / GD / GE / GF / GG / GH / GI / GJ / GK / GL / GM / GN / GO / GP / GQ / GR / GS / GT / GU / GV / GW / GX / GY / GZ / HA / HB / HC / HD / HE / HF / HG / HH / HI / HJ / HK / HL / HM / HN / HO / HP / HQ / HR / HS / HT / HU / HV / HW / HX / HY / HZ / IA / IB / IC / ID / IE / IF / IG / IH / II / IJ / IK / IL / IM / IN / IO / IP / IQ / IR / IS / IT / IU / IV / IW / IX / IY / IZ / JA / JB / JC / JD / JE / JF / JG / JH / JI / JJ / JK / JL / JM / JN / JO / JP / JQ / JR / JS / JT / JU / JV / JW / JX / JY / JZ / KA / KB / KC / KD / KE / KF / KG / KH / KI / KJ / KK / KL / KM / KN / KO / KP / KQ / KR / KS / KT / KU / KV / KW / KX / KY / KZ / LA / LB / LC / LD / LE / LF / LG / LH / LI / LJ / LK / LL / LM / LN / LO / LP / LQ / LR / LS / LT / LU / LV / LW / LX / LY / LZ / MA / MB / MC / MD / ME / MF / MG / MH / MI / MJ / MK / ML / MM / MN / MO / MP / MQ / MR / MS / MT / MU / MV / MW / MX / MY / MZ / NA / NB / NC / ND / NE / NF / NG / NH / NI / NJ / NK / NL / NM / NO / NP / NQ / NR / NS / NT / NU / NV / NW / NX / NY / NZ / OA / OB / OC / OD / OE / OF / OG / OH / OI / OJ / OK / OL / OM / ON / OO / OP / OQ / OR / OS / OT / OU / OV / OW / OX / OY / OZ / PA / PB / PC / PD / PE / PF / PG / PH / PI / PJ / PK / PL / PM / PN / PO / PP / PQ / PR / PS / PT / PU / PV / PW / PX / PY / PZ / QA / QB / QC / QD / QE / QF / QG / QH / QI / QJ / QK / QL / QM / QN / QO / QP / QQ / QR / QS / QT / QU / QV / QW / QX / QY / QZ / RA / RB / RC / RD / RE / RF / RG / RH / RI / RJ / RK / RL / RM / RN / RO / RP / RQ / RR / RS / RT / RU / RV / RW / RX / RY / RZ / SA / SB / SC / SD / SE / SF / SG / SH / SI / SJ / SK / SL / SM / SN / SO / SP / SQ / SR / SS / ST / SU / SV / SW / SX / SY / SZ / TA / TB / TC / TD / TE / TF / TG / TH / TI / TJ / TK / TL / TM / TN / TO / TP / TQ / TR / TS / TT / TU / TV / TW / TX / TY / TZ / UA / UB / UC / UD / UE / UF / UG / UH / UI / UJ / UK / UL / UM / UN / UO / UP / UQ / UR / US / UT / UU / UV / UW / UX / UY / UZ / VA / VB / VC / VD / VE / VF / VG / VH / VI / VJ / VK / VL / VM / VN / VO / VP / VQ / VR / VS / VT / VU / VV / VW / VX / VY / VZ / WA / WB / WC / WD / WE / WF / WG / WH / WI / WJ / WK / WL / WM / WN / WO / WP / WQ / WR / WS / WT / WU / WV / WW / WX / WY / WZ / XA / XB / XC / XD / XE / XF / XG / XH / XI / XJ / XK / XL / XM / XN / XO / XP / XQ / XR / XS / XT / XU / XV / XW / XX / XY / XZ / YA / YB / YC / YD / YE / YF / YG / YH / YI / YJ / YK / YL / YM / YN / YO / YP / YQ / YR / YS / YT / YU / YV / YW / YX / YY / YZ / ZA / ZB / ZC / ZD / ZE / ZF / ZG / ZH / ZI / ZJ / ZK / ZL / ZM / ZN / ZO / ZP / ZQ / ZR / ZS / ZT / ZU / ZV / ZW / ZX / ZY / ZZ

青 / 青 / 青

神戸学院大学

KICK OFF

交代
番号

分

90

75

60

45

30

15

計

選手名

番
号

位
置

番
号

選手名

得
点

計

15

30

45

60

75

90

分

番号

榎枝 賢護

1

GK

GK

1

谷澤 瑛介

71

1

渡邊 樹

18

DF

DF

13

藤谷 匠

平野 雄聖

4

DF

DF

19

坪井 知也

1

辻 隆道

5

DF

DF

35

原田 貴生

山田 護

46

DF

DF

66

松川 謙吾

76

柳原 啓

8

MF

MF

5

増田 幸輝

89

岡田 大知

48

MF

MF

7

兼子 陽太郎

1

1

大西 高弘

21

MF

MF

14

谷川 雄大

多氣 佑太郎

29

MF

MF

17

権葉 功成

2

82

藤本 能範

9

FW

MF

37

道満 泰太

河辺 隼人

11

FW

FW

47

三輪 大河

木村 京太郎

55

GK

GK

62

近久 琢未

塚本 雅士

33

DF

DF

60

大月 太郎

17

安藤 樹

31

DF

DF

38

國友 快人

18

速水 翔平

7

MF

MF

23

西尾 狂人

松田 出帆

53

FW

MF

38

岡田 祐哉

細谷 広務

32

FW

MF

34

城村 亮介

坂井 優太

25

FW

FW

41

永瀬 和成

<

(注1) オフサイド欄の数字は、間接フリーキック数のうちオフサイド*によるものを表す。

【警告理由】 C1:反スポーツ的行為、C2:ラフプレイ、C3:異議、C4:繰り返しの違反、C5:遅延行為、C6:距離不足、C7:無許可入、C8:無許可去

【退場理由】 S1:著しく不正なプレイ、S2:乱暴な行為、S3:つば吐き、S4:得点機会阻止(手)、S5:得点機会阻止(他)、S6:暴言、CS:警告2回

[illegible]

*時間表記の「HT」はハーフタイムを示します。「+」表記はロスタイム中の経過分数を示します。

【備考】

チーム代表者サイン

山脚久

File 1

◇関西学生サッカー連盟◇